

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 8 – 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thừa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Quang Sô
2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Đặng Thị T, sinh năm 1979; cư trú tại: Khu vực TP, phường T, quận R, thành phố C; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã ĐT, huyện C, tỉnh H.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp B, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh Tr do quen biết và tự nguyện kết hôn năm 1999, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến thường hay cự cãi. Hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống vợ chồng mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ 2016 đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nhật Đ (giới tính: nam), sinh ngày 04/11/2000 và Nguyễn Việt T, (giới tính: nữ), sinh ngày 30/8/2003. Các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh Tr trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đặng Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị T.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị T trình bày do không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Thanh Tr là vợ chồng theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về thủ tục tố tụng:*

[1]. Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Thanh Tr tự nguyện kết hôn năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

*Về nội dung vụ án:*

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Thanh Tr có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định nên không được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh Tr phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Tr trình bày thống nhất do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành nên đã không còn chung sống với nhau được nữa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, qua kết quả xác minh, có cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Tr trong quá trình chung sống thường hay cự cãi do bất đồng quan điểm; cuộc sống hôn nhân thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung giữa chị T và anh Tr không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị T và anh Tr không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Tr.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh Tr có 02 con chung là Nguyễn Nhật Đ và Nguyễn Việt T. Các con hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng; anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị T và anh Tr thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị T và anh Tr xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Thanh Tr.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành. Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Thanh Tr không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Thanh Tr thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Thanh Tr xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Đặng Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 006437 lập ngày 15/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh H thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Ngô Thừa**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Quang Sô    Đoàn Thị Kim Quyên**

**Ngô Thừa**